TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN Bản án số: 39/2024/DS-ST Ngày 26 - 3 - 2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi
2. Ông Nguyễn Lý Hùng

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1021/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa:

1.*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;
2. Bị đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1977 (vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ).
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

Bà và bà Đặng Thị T là chổ quen biết bạn bè với nhau, bà có cho bà T mượn 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) hai bên có làm giấy tay có người làm chứng. Bà T hứa trong vòng 05 tháng sẽ trả lại nhưng quá 05 tháng bà T không trả bà có liên lạc nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T cố tình né tránh không trả tiền làm ảnh hưởng quyền lợi của bà. Nay bà khởi kiện yêu cần Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho bà 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định.

Bị đơn bà Đặng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tống đạt tất cả các văn bản tố tụng cho bà nhưng bà không có ý kiến phản hồi gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Q nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là:"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đặng Thị T có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kim Q là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Đặng Thị T là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Kim Q yêu cầu bà T trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà Nguyễn Thị Kim Q có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà Q khởi kiện yêu cầu bà T trả 200.000.000 đồng tiền mượn. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do nguyên đơn cung cấp gồm có: Giấy mượn tiền ngày 23/3/2023.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[1.4]. Về việc xét xử vắng mặt: Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn xắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T. Bà Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Bà Q có thỏa thuận cho bà T mượn 200.000.000 đồng vào ngày 23/3/2023. Thời hạn mượn 5 tháng, theo giấy nợ ghi thì các bên không thỏa thuận lãi suất nên trong khoảng thời gian 05 tháng từ 23/3/2023 đến 23/8/2023 không được tính lãi. Thời gian chậm trả từ ngày 24/8/2023 đến khi xét xử sơ thẩm được tính theo lãi chậm trả là 10%/năm. Bà T được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng không đến Tòa án phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Xét việc chậm trả của bà T làm ảnh hưởng quyền lợi bà Q nên cần buộc bà T trả bà Q 200.000.000 đồng và lãi suất chậm trả từ ngày 24/8/2023 đến khi xét xử sơ thẩm là phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Về lãi suất được tính cụ thể như sau: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng 02 ngày = 11.730.666 đồng.

[3].Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà T phải chịu án phí.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" với bà Đặng Thị T.

Buộc bà Đặng Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim Q 200.000.000 đồng tiền vốn và 11.730.666 đồng. Tổng cộng: 211.730.666 đồng (Hai trăm mười một triệu bảy trăm ba mươi ngàn sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T phải nộp 10.586.533 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà Nước. H lại cho bà Q số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng theo biên lai số 0005594 ngày 11/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Thúy